

## DÂN SỐ TỪ HƯỚNG TIẾP CẬN VĂN HÓA

TƯƠNG LAI

### I

Dân số đang là vấn đề mang tính toàn cầu. Cứ mỗi giây đồng hồ là có 3 đứa trẻ sinh ra và càng ngày người ta càng nhận thức được rằng, hành tinh của chúng ta đang sống đã trở nên quá tải nếu tốc độ gia tăng dân số vẫn cứ phát triển như hiện nay. Với khoảng 255.000 trẻ em sinh ra trong mỗi ngày thì trên quả đất này mỗi tháng sẽ có thêm 7,5 triệu, mỗi năm có thêm hơn 90 triệu, và nếu tính kỹ hơn thì từ 1995 đến cuối thế kỷ mỗi năm có thêm 98 triệu người cần phải được nuôi sống, chăm sóc, đào tạo để họ có thể sống như một con người.

Quả đất này có 1 tỷ người vào năm 1804, nếu tính ngược về thuở sơ khai từ khi con người xuất hiện trên trái đất thì phải mất hàng triệu năm. Nhưng rồi khoảng cách thời gian để quả đất tăng thêm tỷ người tiếp theo cứ ngắn dần một cách đáng sợ: 123 năm, rồi 33 năm, rồi 14 năm, 13 năm và rồi sẽ chỉ là 11 năm để tăng từ 5 tỷ đến 6 tỷ vào năm 1998. Song điều đáng lưu ý hơn nữa là, 93% số dân tăng lên đó sống trong những nước nghèo. Có nghĩa là, *càng nghèo càng đẻ nhiều và càng đẻ nhiều lại càng nghèo hơn*.

Ở Việt Nam chúng ta, nếu tính trung bình một gia đình có từ 3,7 đến 3,8 con như hiện nay thì 30 năm một lần dân số sẽ tăng gấp đôi, có nghĩa là sau 100 năm sẽ tăng gấp 8 lần. Muốn đạt tới sự ổn định dân số trong vòng 50 năm nữa, thì phải phấn đấu đạt được mức sinh thay thế, tức là bình quân gia đình chỉ có 2 con.

Tạo hóa sinh ra con người và “cho họ những quyền không ai có thể xâm phạm được, trong những quyền ấy có quyền được sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc”. Vậy phải chăng cũng chính tạo hóa lại định ra một nghịch lý: càng nghèo lại càng đẻ nhiều, và càng đẻ nhiều lại càng nghèo hơn? Nếu không xóa bỏ được nghịch lý đó, không kiềm chế được sự gia tăng dân số thì quyền sống quyền tự do, quyền mưu cầu hạnh phúc làm sao thực hiện được? Chẳng những thế, theo sự phân tích của Kenneth Galbraith "chính sự nghèo đói là nguồn gốc hàng đầu của sự hỗn loạn". Từ sự phân tích đó, nhà kinh tế học người Mỹ này cho rằng *Khả năng kiềm chế sự gia tăng dân số của chúng ta sẽ là yếu tố quyết định của hòa bình công dân và ổn định xã hội*". Song điều đáng suy nghĩ lại chính là luận điểm sau đây của ông ta: *chìa khóa để giải quyết vấn đề này không phải là thông tin, không phải là chỉ thị và thông tư, mà là giáo dục*".

Liên mạch với dòng tư duy trên đây, chúng tôi lưu ý đến ý tưởng của Federico Yator, Tổng giám đốc UNESCO phát biểu trong phiên họp của Đại hội đồng tại Paris hồi tháng 11/1993: "Những nhà hoạch định chính sách phải khắc phục cách nhìn thiên cận trong quá khứ, phải quan tâm dài hạn đối với con người, kể cả những người chưa có mặt trên hành tinh nay. Ngày nay phải thực hiện được một bước quá độ từ một nền văn hóa chiến tranh sang một nền văn hóa hòa bình, từ tự vệ dân tộc sang tự vệ cho từng công dân, từ vũ khí sang sách vở, *từ người lính sang nhà giáo* (tôi nhấn mạnh. T.L)

*Giải pháp giáo dục* được xác định như là chìm khỏi của việc kiềm chế sự gia tăng dân số cần phải được nhận thức trong mối liên hệ tương tác của nghèo nàn, lạc hậu với sự gia tăng dân số. Mối liên hệ nhân-quả, quả-nhân này cần được nhìn từ phía *trình độ dân trí*.

Để tìm một cách đi nhanh trong bối cảnh của thế giới mới, nhằm thoát khỏi tình trạng nghèo nàn, lạc hậu, bắt kịp với nhịp phát triển của thời đại, nhiều nước đã chọn giải pháp giáo dục nhằm phát huy đến mức cao nhất nguồn nhân lực trong chiến lược con người. Giáo dục nhằm hướng vào mục tiêu dân trí, tạo điều kiện để tiếp nhận và sử dụng những thành tựu về khoa học và công nghệ mới, khởi dậy tiềm năng sáng tạo ở con người. Mặt khác nâng cao dân trí lại là một trong những điều kiện quyết định để kiềm chế sự gia tăng dân số từ những chủ thể nhận thức và quyết định hành vi sinh đẻ, góp phần vào việc hình thành những chuẩn mực tái sinh sản hướng vào qui mô gia đình nhỏ ít con. Ít con vì các bậc làm cha, làm mẹ có ý thức đầy đủ về nghĩa vụ chăm sóc, nuôi dưỡng và đào tạo con mình trở thành những con người có đủ những điều kiện, nếu không là đầy đủ thì cũng là tối cần thiết để phát triển. Gia đình qui mô nhỏ ít con còn là vì giá trị kinh tế của đứa con đã nhường chỗ trọn vẹn cho giá trị tình cảm - chính cái giá trị tinh thần ấy đòi hỏi người làm cha mẹ có yêu cầu cao đối với việc chăm sóc, nuôi dưỡng con mình. Những con người được nuôi dưỡng và đào tạo tốt lại sẽ là nguồn động lực quyết định cho sự phát triển kinh tế và xã hội. Và thực ra, vấn đề *dân trí* không thể tách rời với *lối sống*, trong đó có mức sống, chất lượng sống, cách sống (bao hàm trong nó những thói quen, những tập quán), những điều ấy đều có liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp đến chuẩn mực giá trị, được thể hiện trong hoạt động sống, đặc biệt là trong hành vi sinh đẻ của từng con người, từng nhóm xã hội.

Những khảo sát xã hội học của chúng tôi trong nhiều năm qua cũng cho phép rút ra được một nhận xét: khi trình độ văn hoá được nâng lên thì mức sinh có thể hạ xuống. Từ cuộc nghiên cứu đầu tiên cách đây mười năm vào tháng 3 năm 1994 tại xã Quyết Tiến, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đến các cuộc nghiên cứu về di dân ở Đông Nam Bộ và Tây Nguyên cuộc nghiên cứu về "Gia đình, mức sinh và sự biến đổi xã hội" (F.F.S), cuộc nghiên cứu về động thái dân số ở Việt Nam v.v... đã đưa ít nhiều chỉ báo quan trọng về mối liên hệ nội tại giữa lối sống (bao hàm trong đó mức sống, chất lượng sống và cách sống) và mức sinh, phản ánh mối liên hệ thống tác giữa đói nghèo và sự gia tăng dân số. Vào trong 4/1994 vừa rồi, tức là đúng mười năm sau, chúng tôi lại tiến hành cuộc khảo sát lần thứ hai tại xã Quyết Tiến. Kết quả xử lý số liệu qua máy vi tính cho phép chúng tôi khẳng định trở lại một ý tưởng: nếu chưa có những chuyển biến cơ bản về kinh tế và lối sống ở nông thôn thì việc chuyển đổi chuẩn mực tái sinh sản để thực hiện qui mô gia đình nhỏ ít con vẫn đang còn rất nhiều trở ngại:

Từ những kết quả khảo sát xã hội học nói trên, trở lại với vấn đề. giải pháp giáo dục được nhìn nhận như là chìa khóa của vấn đề kiềm chế sự gia tăng dân số, chúng tôi cho rằng. đối với đất nước ta, cần phải gắn vấn đề dân số ở Việt Nam với nguy cơ tụt lại xa về phía sau hơn nữa của đất nước ta so với các nước láng giềng khu vực và so với toàn cảnh của nền văn minh nhân loại. Phải gắn vấn đề dân số với sự thách đố nghiệt ngã "trong tương lai không xa, đất nước sẽ đứng trước những khó khăn rất lớn, thậm chí nguy cơ về nhiều mặt" <sup>(1)</sup>.

Vấn đề về dân số ở Việt Nam không thể nằm ngoài những giải pháp toàn cầu, song cũng không thể không chú ý đầy đủ những nét đặc thù của xã hội Việt Nam: *Một xã hội tiểu nông mới chập chững bước vào nền kinh tế thị trường, đang chuẩn bị để tiến đến giai đoạn*

<sup>(1)</sup> Nghị quyết lần thứ 4 Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa 7

công nghiệp hóa và hiện đại hóa, những hậu quả của chiến tranh và của thời kỳ kế hoạch hóa tập trung, bao cấp còn in đậm trong đời sống của mỗi con người, của từng gia đình; một nước Đông Á với những nét riêng của văn hóa phương Đông chịu ảnh hưởng nặng nề của Nho giáo. Với một xã hội mà nông dân trong nền canh tác nông nghiệp lúa nước với kỹ thuật còn lạc hậu chiếm tuyệt đại bộ phận thì cái triết lý về "đông con lắm phúc", "một mặt người hơn mười mặt của", "người ta là hoa của đất" làm nền cho lập luận và niềm tin về cái quy luật "trời sinh voi, trời sinh cỏ" còn có cơ sở để tồn tại, để chi phối tâm tư và hành vi của con người. Trong chiều sâu của triết lý đó "mỗi người là một khâu giữa tổ tiên và con cháu-một cách hình dung theo kiểu huyết thống gia đình-vì vậy sống có trách nhiệm, hiếu với tổ tiên là để phúc cho con cháu. Trong dòng giống lâu dài và giữa nhân quần, con người sống với bà con, chết về với tổ tiên và linh hồn vẫn quanh quẩn với con cháu" <sup>(1)</sup> ... "Người ta mong ước thái bình, an cư lạc nghiệp để làm ăn cho no đủ, sống thanh nhàn, thông thả có đông con nhiều cháu, ước mong về hạnh phúc nói chung là thiết thực, yên phận thủ thường, không mong gì cao xa, khác thường, hơn người" <sup>(2)</sup>.

Bị điều kiện hóa trong một khung cảnh xã hội, một hệ thống quản lý, một mô hình văn hóa tạo thành môi trường sống, con người dễ bị trượt theo lối mòn quen thuộc của tập quán và thói quen không dễ gì rũ bỏ được. Suy nghĩ về những nghiên cứu dân số đã tiến hành trong mười năm qua, chúng tôi nghiệm ra rằng, *hướng tiếp cận về văn hóa là có triển vọng nhất*. Mô hình văn hóa chỉ phôi lối sống của con người, và do vậy mà in đậm ảnh hưởng và dấu vết trong lĩnh vực thâm kín, sâu xa của con người: chuẩn mực tái sinh sản và hành vi sinh đẻ của con người. Khảo sát, phân tích và lý giải cặn kẽ theo hướng này sẽ giúp chúng ta tránh tùy tiện và nôn nóng trong việc vạch ra những mục tiêu cũng như các giải pháp cho vấn đề dân số và kế hoạch hóa gia đình. Và chẳng "văn hóa là một quan hệ. Nó là mối quan hệ giữa thế giới biểu tượng với thế giới thực tại. Quan hệ ấy biểu hiện thành một kiểu lựa chọn riêng của một tộc người khác, một cá nhân khác. Nét khác biệt các kiểu lựa chọn làm cho chúng khác nhau, trở thành những nền văn hóa khác nhau là do độ khúc xạ. Tất cả mọi cái mà một tộc người tiếp thu hay sáng tạo đều có một độ khúc xạ riêng có mặt ở mọi lĩnh vực và rất khác độ khúc xạ ở một tộc người khác" <sup>(3)</sup>.

Trên cơ sở những cảm nhận và suy nghĩ ấy mà hiểu rõ hơn tại sao giải pháp giáo dục mi được nhìn nhận như là chìa khóa của vấn đề kiềm chế sự gia tăng dân số. Đương nhiên như đã nói ở trên, giáo dục mang ý nghĩa rộng lớn hơn nhiều so với việc giảng dạy và phổ biến kiến thức, mà phải từ trí tuệ được phát triển mà đánh thức và phát huy tiềm năng sáng tạo của con người. Chính đó là cơ sở để cho con người làm chủ được mình, có ý thức đầy đủ về cá nhân, gia đình, xã hội, để một mặt có chuẩn mực và hành vi sinh sản vừa văn minh, tiến bộ và mặt khác trở thành động lực mạnh mẽ thúc đẩy sự phát triển của xã hội, của đất nước.

Rõ ràng đất nước chỉ có thể đạt được mức sinh thay thế đã ổn định được dân số vào khoảng 50 năm nữa tùy thuộc vào mỗi chủ thể công dân tự nhận thức được về số phận của họ, về con đường dẫn họ đến cuộc sống ấm no, hạnh phúc. Đó là một mục tiêu không dễ dàng, nhưng xét đến cùng, không có một mục tiêu lớn nào lại có thể đạt được dễ dàng cả. Vấn đề dân số là cực kỳ bức xúc, nhưng lại không thể nôn nóng và tùy tiện trong việc đề ra kế hoạch theo kiểu duy ý chí của một thời. Phải bằng tầm nhìn chiến lược và lược đồ dự đoán phải tính bằng thế hệ chứ không thể chỉ bằng năm tháng. Nhưng vì phải tính bằng thế hệ để đạt được mức sinh thay thế lớn cho dân số giảm dần để đi đến sự ổn định vào giữa thế kỷ sau nên ngay ngày hôm nay phải làm cho các trẻ nhỏ cấp sách đến trường đã

<sup>(1)</sup> <sup>(2)</sup> Trần Đình Hượu "Đến hiện đại từ truyền thống" Hà Nội, 1994, tr.122 và tr.159.

<sup>(3)</sup> Phan Ngọc: "Văn hóa Việt Nam và cách tiếp cận mới". NXB Văn hóa – Thông tin, Hà Nội, 1994, tr.105

được giáo dục về mục tiêu lớn lao đó và cách để thực hiện mục tiêu đó. Bắt đầu từ trẻ nhỏ, và cùng với các trẻ nhỏ hôm nay là cha mẹ và ông bà của chúng, là cộng đồng xã hội mà chúng đang sống đều cần phải được giáo dục. Có ý thức và kiến thức đầy đủ về vấn đề dân số trong ý nghĩa lâu dài và bức xúc của nó là một đòi hỏi đối với những nhà quản lý các cấp, các ngành

Để làm được những điều đó, việc hiểu biết một cách đầy đủ, sâu sắc và toàn diện về quá độ dân số ở nước ta để có dự báo đúng, về đối tượng đa dạng và phức tạp của cuộc vận động thực hiện kế hoạch hóa gia đình, về những thành công và thất bại để rút ra bài học bổ ích cho cuộc vận động lớn đó hướng vào mục tiêu gia đình nhỏ ít con để tiến tới đạt được mức sinh thay thế v.v... Cùng với sự hiểu biết ấy là việc xây dựng được những giáo trình có chất lượng cao để đưa được những kiến thức dân số hiện đại vào hệ thống giáo dục và giảng dạy các cấp, các đối tượng khác nhau.

Tất cả những công việc ấy đều đòi hỏi những luận cứ khoa học được đúc kết từ những nghiên cứu công phu và có bài bản. Đã đến lúc, hoạt động nghiên cứu khoa học trên lĩnh vực dân số cần có sự chỉ đạo tập trung và sự đầu tư thỏa đáng. Phần tiếp theo của bài viết này đề cập đến những kiến nghị của chúng tôi về hoạt động nghiên cứu khoa học ấy trong những năm sắp tới.

## II

Dựa vào những phân tích và đánh giá hiểu biết về thực trạng dân số của nước ta và nhu cầu dự báo xu hướng vận động của nó, chúng tôi nghĩ rằng trong những năm sắp tới, nên tập trung vào các hoạt động sau đây.

### **1. Nghiên cứu sự quá độ dân số ở Việt Nam:**

Hoạt động này bao gồm việc thu thập và phân tích tỷ mỉ các số liệu về sinh, chết trong một thời gian dài nhằm xây dựng được các dự báo tương đối chính xác về sự phát triển dân số Việt Nam trong thời kỳ từ nay đến đầu thế kỷ 21 và xa hơn nữa. Trong thời gian vừa qua chúng ta đã cố gắng rất nhiều để thu thập các thông tin về hai yếu tố cấu thành cơ bản của dân số là sinh và chết, nhưng tất cả các số liệu đó đều có độ chính xác chưa thật đảm bảo hoàn toàn và tính hệ thống của số liệu chưa cao. Cũng cần phải nói thêm rằng, phần lớn các công trình nghiên cứu tập trung vào nghiên cứu mức sinh trong khi cấu thành chết của dân số chưa có sự chú ý thích đáng. Điều này cần được khắc phục trong thời gian sắp tới. Phải xác định tương đối đầy đủ và chính xác những yếu tố nào có tác động và tác động như thế nào ở mức độ nào tới sự biến đổi của mức sinh và mức chết.

### **2. Nghiên cứu DHS (Demography Health Survey):**

Là một dạng nghiên cứu cơ bản được tiến hành ở quy mô quốc tế với sự tham gia của nhiều nước khác nhau theo cùng một số bảng hỏi tiêu chuẩn (mô thức A cho các nước phát triển và mô thức B cho các nước đang phát triển). Các số liệu thu được từ nghiên cứu DHS cung cấp cho chúng ta những số liệu về tình hình phát triển dân số hiện tại, hôn nhân gia đình, việc sử dụng các biện pháp tránh thai và số người sử dụng biện pháp tránh thai, tình hình sức khỏe của dân cư và nhiều thông tin khác v.v... Những nghiên cứu loại này là nguồn thông tin rất tốt giữa các kỳ kiểm kê dân số và là một công cụ quan trọng cho việc quản lý chương trình dân số và kế hoạch hóa gia đình. Trong những năm sắp tới một việc rất quan trọng là tổ chức đều đặn các cuộc nghiên cứu DHS ở cấp toàn quốc cũng như ở

các khu vực đặc thù. Trong những cuộc nghiên cứu đó, điều tối cần thiết là bảng hỏi phải được xây (dựng theo mô thức chung đã thống nhất trên toàn thế giới. Điều này không có nghĩa là chúng ta phải sử dụng nguyên văn bảng hỏi quốc tế, mà cần phải điều chỉnh cho phù hợp với thực tế nước ta, tuy nhiên mỗi câu hỏi được sử dụng đều phải tương ứng với một câu hỏi nào của bảng hỏi chung. Chỉ có như vậy chúng ta mới có thể so sánh được các kết quả nghiên cứu toàn quốc với các nghiên cứu khu vực để phát hiện ra các vấn đề đang tồn tại trong hoạt động dân số và kế hoạch hóa gia đình cũng như so sánh tình hình Việt Nam với tình hình phát triển dân số chung trên toàn thế giới.

### **3. Nghiên cứu hệ thống bảo vệ sức khỏe, kế hoạch hóa gia đình nông thôn và tiếp cận nhóm nhỏ" (cafeteria) với việc cung cấp các dịch vụ kế hoạch hóa gia đình**

Quá trình chuyển đổi từ cơ chế kế hoạch hóa tập trung, bao cấp sang cơ chế thị trường của nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần sẽ có tác động mạnh đến hoạt động của hệ thống chăm sóc sức khỏe và kế hoạch hóa gia đình ở nông thôn, một hệ thống vốn đã ra đời cùng với cung cách tổ chức hợp tác xã và tồn tại được trong nhiều năm vốn chỉ nhờ vào sự bao cấp của nhà nước và hợp tác xã. Điều cần phải giải quyết trong nghiên cứu hiện nay là phải đánh giá cho được hiệu quả hoạt động đang được tiến hành của hệ thống y tế và kế hoạch hóa gia đình nông thôn với những điểm mạnh và điểm yếu của nó.

Rõ ràng, nếu hệ thống đó nập tục hoạt động theo cung cách như cũ thì khả năng hoàn thiện hoạt động và nâng cao hơn nữa tỷ lệ người sử dụng các biện pháp kế hoạch hóa gia đình là điều khó xảy ra hoặc nếu có xảy ra thì tổn phí cho nó cũng rất cao. Vậy thì, cùng với kinh tế thị trường, việc triển khai các dịch vụ kế hoạch hóa gia đình sẽ diễn ra như thế nào trên địa bàn nông thôn vì việc triển khai cách tiếp cận nhóm nhỏ (cafeteria) trong việc cung cấp dịch vụ kế hoạch hóa gia đình có thích hợp với điều kiện Việt Nam hay không? Và nếu như một khi các nguồn cung cấp dịch vụ kế hoạch hóa gia đình đã trở nên đa dạng thì vai trò của nhà nước, thà cụ thể là ủy ban dân số và kế hoạch hóa gia đình các cấp, và các cơ quan hữu quan khác cần được xác định như thế nào? Tất cả các câu hỏi này vẫn còn đọng là những ẩn số thà việc giải đáp chúng số đem lại hiệu quả cho nhiều tỷ đồng cần phải đầu tư trong thời gian trước mắt.

### **4. Nghiên cứu về truyền thông dân số ở nông thôn:**

Nếu như trước đây khi dịch vụ kế hoạch hóa gia đình còn vắng bóng, số đầu tư vào hệ thống kế hoạch hóa gia đình mang lại hiệu quả cao nhất thì, ngày hôm nay, sau nhiều 1 thập kỷ triển khai chương trình kế hoạch hóa gia đình vấn đề dịch vụ thông còn là khâu yếu nhất trong chương trình nữa. Về lâu về dài, sự phát triển kinh tế xã hội sẽ quyết định sự biến đổi dân số, nhưng trước mắt, theo các công trình nghiên cứu xã hội học trong nhiều năm qua, hoạt động truyền thông dân số có thể là lĩnh vực mà sự đầu tư vào đó sẽ mang lại những kết quả lớn hơn cả. Tuy nhiên, vấn đề hiện nay là hoạt động truyền thông dân số ở các khu vực nông thôn cần phải diễn ra như thế nào. Điều này đòi hỏi chúng ta phải có sự hiểu biết sâu hơn nữa về đời sống nông thôn Việt Nam, cơ cấu xã hội định hướng giá trị của cư dân nông thôn cũng như nhiều khía cạnh khác nhau của hoạt động truyền thông . Ở nông thôn. Vì thế, một cuộc nghiên cứu nghiêm túc với những kết quả có đầy đủ độ tin cậy về tác động và hiệu quả của chương trình truyền thông dân số ở khu vực nông thôn sẽ giúp chúng ta có được định hướng chính xác trong lĩnh vực truyền thông dân số và đưa ra

được những giải pháp cụ thể cho hoạt động này. Chúng tôi cho rằng hiện nay truyền thông dân số chính là khu vực sẽ đem lại những kết quả sâu sắc cho sự biến đổi dân số.

### **5. Những nghiên cứu tác nghiệp phục vụ cho công tác đánh giá và quản lý chương trình dân số và kế hoạch hóa gia đình**

Trong hoạt động thực tiễn của chương trình dân số và kế hoạch hóa gia đình các cơ quan có liên quan luôn luôn có hàng loạt vấn đề được đặt ra cần phải giải quyết. Không phải tất cả các vấn đề đặt ra đã đều thực sự là vấn đề mà khoa học cần phải quan tâm tới. Nhiều khi đó chỉ là những sai sót ngẫu nhiên trong hoạt động thực tế thường ngày hoặc những trường hợp đơn nhất xảy ra do điều kiện khách quan đặc thù, nhưng có khá nhiều vấn đề đúng là những vấn đề khoa học đòi hỏi phải có những nghiên cứu cụ thể để đưa ra những giải pháp cơ bản, xoay chuyển hẳn tình huống. Các nghiên cứu tác nghiệp cụ thể đóng vai trò trung gian giữa nghiên cứu cơ bản và đời sống để giải quyết vấn đề này. Những kết quả nghiên cứu ấy sẽ tạo điều kiện cho việc đưa ra những quyết định quản lý đạt được độ chính xác cao hơn và hiệu quả của hoạt động quản lý cũng sẽ cao hơn. Tuy nhiên, biết giải quyết vấn đề theo phương pháp khoa học chưa đầy đủ, còn cần phải biết xác định chính xác đâu là vấn đề đòi hỏi phải có sự giúp đỡ của nghiên cứu khoa học, và thứ tự ưu tiên của các vấn đề cần được nghiên cứu là như thế nào. Biết đặt ra vấn đề cần được giải quyết là việc cấp bách đối với những người làm công tác quản lý các nghiên cứu tác nghiệp trong lĩnh vực dân số và sẽ là một trong những ưu tiên căn bản của việc quản lý hoạt động nghiên cứu dân số trong thời gian sắp tới.

### **6. Xây dựng các giáo trình phục vụ cho việc đào tạo cán bộ nghiên cứu:**

Cùng với 5 hướng nghiên cứu nói trên, hướng nghiên cứu để tiến tới xây dựng các giáo trình phục vụ cho việc đào tạo cán bộ nghiên cứu về dân số có ý nghĩa đặc biệt. Có một vấn đề tồn tại rất lớn trong việc đào tạo ở các trường cho học và đại học Việt Nam là việc đào tạo nghiên cứu nghiêng về phía cung cấp kiến thức đôn thuần trong khi việc đào tạo phương pháp tư duy và nghiên cứu nghiêng lại tương đối ít hoặc nhiều khi là vắng bóng trên thực tế. Trong lĩnh vực dân số vấn đề còn phức tạp hơn vì việc đào tạo cán bộ khoa học, cán bộ nghiên cứu và chỉ đạo về dân số có liên quan tới tới những thay đổi trong lĩnh vực khoa học xã hội cho phù hợp với những biến đổi trong xã hội thời gian gần đây, đặc biệt là phải khắc phục các quan điểm nhìn nhận vấn đề dân số một cách phiến diện, máy móc. Trong những năm qua, đã có những bước khởi động để đưa kiến thức dân số hiện đại vào giảng dạy. Nay đã đến lúc cần phải có một sự hoàn thiện quá trình huấn luyện đó.

Ngoài sáu hướng nghiên cứu mà chúng tôi cho rằng cần phải đặc biệt quan tâm trong các hoạt động nghiên cứu dân số và kế hoạch hóa gia đình những năm sắp tới, còn có rất nhiều những nghiên cứu khác trong lĩnh vực dân số và kế hoạch hóa gia đình, cả những nghiên cứu cơ bản cũng như những nghiên cứu ứng dụng, cần thiết, phải tiến hành. Tuy nhiên trong điều kiện còn nhiều hạn chế về trình độ cũng như nguồn kinh phí, sự quản lý mục tiêu các nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực dân số và kế hoạch hóa gia đình cũng như sự phân công ở một mức độ tương đối các nghiên cứu giữa các cơ quan khoa học khác nhau là cần thiết

Khi nêu lên sáu hướng nghiên cứu đó, chúng tôi đã căn cứ vào những diễn biến của quá trình dân số ở Việt Nam mà những công trình nghiên cứu của các nhà nghiên cứu về dân số, các tác giả trong nước và các tác giả nước ngoài đã công bố, cùng với chúng là những kinh nghiệm thực tế của chúng tôi trong quá trình khảo sát xã hội học về dân số và kế

hoạch hóa gia đình trên nhiều địa phương khác nhau trong cả nước. Tìm hiểu và suy ngẫm, chúng tôi cho rằng đã đến lúc cần có sự phối hợp và chỉ đạo chung trên lĩnh vực nghiên cứu dân số ở nước ta hướng vào những mục tiêu cụ thể, vừa trực tiếp vừa lâu dài. Ở đây cần có một tầm nhìn chiến lược của hoạt động nghiên cứu, vì kết quả của nó có khi phải chờ đợi khá lâu mới có được sự xác nhận đầy đủ. Nếu không có những dự báo chiến lược thì không thể có được một chương trình hành động hướng vào những mục tiêu lâu dài có ý nghĩa to lớn đến sự phát triển của đất nước. Mặt khác, sách lược và chiến thuật là sự chỉ đạo có hiệu quả một chương trình hoạt động hết sức đa dạng và phức tạp, nếu không biết tập trung lực lượng giải quyết dứt điểm những vấn đề mấu chốt để rồi từ đó sẽ mở ra hướng tự vận động của quá trình dân số và kế hoạch hóa gia đình thì sẽ lãng phí sức người, sức của. Trên ý nghĩa đó mà chúng tôi mạnh dạn nêu lên những vấn đề nghiên cứu nói trên nhằm tranh thủ ý kiến đóng góp và điều chỉnh của các bạn đồng nghiệp và các nhà quản lý chương trình dân số và kế hoạch hóa gia đình cũng như của đông đảo bạn đọc nhân Tạp Chí Xã hội học ra số chuyên đề về dân số.